TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 566/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2024
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn".

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lil;

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Nguyễn Phúc Viễn

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án N dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Linh – Kiểm sát viên;

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án N dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2024 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2024/QĐXXST-HN ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã ATT, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

Bị đơn: **Lê Hữu H**, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã ATT, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

- Về quan hệ hôn N: Chị và anh Lê Hữu H cưới nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 17/4/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N là do không hợp nhau trong cuộc sống nên đã xảy ra mâu thuẫn, hôn N dần mất đi hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không thể hàn gắn lại được. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 12/2023. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin được ly hôn với anh Lê Hữu H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Nguyễn Mỹ D, sinh ngày 07/4/2020. Hiện hai cháu N và D đang sống chung với chị và anh H. Khi ly hôn, chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, đồng ý để anh H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

**** Bị đơn Lê Hữu H trình bày:***

- Về quan hệ hôn N: Anh thống nhất với lời khai chị P về điều kiện kết hôn. Hiện tại anh và chị P có chút không vui về tình cảm và một số bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, nên trong lúc nóng giận thì vợ anh có về nhà cha mẹ đẻ để ở. Riêng bản thân anh từ lúc cưới vợ đến nay chưa có dấu hiệu bạo hành gia đình, vẫn làm tròn trách nhiệm của một người chồng và một người cha. Trong cuộc sống hôn N đôi lúc có sự cải vã của hai vợ chồng là không tránh khỏi, nhưng anh không nghĩ vì sự bất đồng không đáng mà vợ anh gửi đơn xin ly hôn. Nay không đồng ý ly hôn với chị P do tôi còn thương vợ và nghĩ hai con cần sự yêu thương, chăm sóc, gần gũi của cả cha và mẹ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Nguyễn Mỹ D, sinh ngày 07/4/2020. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và cháu D, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên toà, chị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung. Anh H không đồng ý ly hôn, nếu Toà cho ly hôn đề nghị được nuôi 02 con chung.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân thủ pháp luật về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật tố tụng; Về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng quy định.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu D cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai các bên đương sự tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị P và anh H qua tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban N dân xã An Thạnh Thuỷ vào ngày 17/4/2012 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn N hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn N và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn N: Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên N chị P xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, sống không hòa hợp, chị P khai do vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, anh H không quan tâm, sống vô tâm, không lo kinh tế cho con, chỉ mình chị chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, tình cảm chị không còn nên chị đã ly thân với anh H từ tháng 12/2023 đến nay vẫn chưa hàn gắn được. Phía anh H không đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị P và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn N hiện tại không đạt được, đã ly thân nhau, phía anh H không đồng ý ly hôn cho rằng Hiện tại bản thân anh và vợ không có mâu thuẫn nhiều, chỉ bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên có thể khắc phục được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị không có khả năng hàn gắn do chị P kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm nên không có khả năng hàn gắn, anh H chưa có biện pháp để hàn gắn từ khi ly thân đến nay, dù có tiếp tục kéo dài và duy trì mối quan hệ hôn N này cũng không đạt được vì chị P kiên quyết ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ phù hợp với Điều 51 Luật hôn N và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/01/2013 và Lê Nguyễn Mỹ D, sinh ngày 07/4/2020. Anh chị thống nhất nếu ly hôn thì anh H trực tiếp nuôi cháu N, nên ghi nhận sự thoả thuận của chị P và anh H giao cháu N anh H trực tiếp nuôi, chăm sóc. Anh H và chị P có tranh chấp cùng yêu được nuôi cháu D, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu được nuôi cháu D của chị P và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Bởi lẽ, cháu D hiện tại còn nhỏ, cháu là bé gái cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu D cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nôm, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn N sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí hôn N gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn N gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh P đối với anh Lê Hữu H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/01/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Lê Nguyễn Mỹ D, sinh ngày 07/4/2020 cho chị Phương được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai phải phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở việc thăm nom.

3. Về tài sản chung: Không có;

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn N sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N sơ thẩm, đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0007938 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chợ Gạo nên được cấn trừ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Lil

***** Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG (thay báo cáo);
- VKSND huyện Chợ Gạo (để giám sát);
- CCTHADS huyện CG (để thi hành);
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã An Thạnh Thuỷ ;
- Lưu hồ sơ